

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

Bản án số: 04/2024/HC-ST

Ngày: 27-3-2024
V/v Khiếu kiện Quyết định
hành chính của Ủy ban nhân dân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm; Bà Trịnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Kiều Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Minh Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phùng Văn T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết C – Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị T – Phó chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Bùi Bích L, sinh năm 1959; có mặt;

- Ông Phùng Trung H, sinh năm 1983; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 9, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố T tỉnh Tuyên Quang.
Địa chỉ: Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chiến T – chức vụ: Chủ tịch UBND phường Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T – chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường Y; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người khởi kiện ông Phùng Văn T trình bày:

Năm 1979 ông cùng vợ là bà Bùi Bích L khai phá được một thửa đất tại xóm 40, xã Y, thị xã T (Nay là tổ 9, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Đã được nhà nước cấp GNNQSDĐ theo Quyết định cấp giấy CN số 1232/QĐ UBND ngày 14/9/2007 của UBND thị xã T (nay là thành phố T). Số sổ AK 840688 vào sổ CGCN QSDĐ H04451/YL mang tên hộ gia đình bà Bùi Bích L, sinh năm 1959 và ông Phùng Văn T sinh năm 1953. Thửa đất số 126, tờ bản đồ 60, diện tích 429,3m² có địa chỉ: Xóm 40, xã Y, thị xã T nay là Tổ 9 phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình sử dụng đất ông đã chuyển nhượng và tách đất cho con, diện tích còn lại là 158m² đất ở. Gia đình ông sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp gì với ai.

Khi nhà nước triển khai dự án xây dựng khu dân cư Đ tại tổ 13 cũ thì gia đình ông thuộc một trong các hộ dân bị nhà nước thu hồi. Cụ thể nhà nước thu hồi 117m² đất trong tổng số diện tích 158m² đất của gia đình ông. Quá trình thu hồi đất UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2). Quyết định số 584/QĐ-UBND thành phố T về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) ngày 31/12/2020. Quyết định số 743/QĐ-UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông. Theo đó, gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản nằm trên đất là 436.885.471đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng) gia đình ông đã nhận đủ số tiền trên.

Tuy nhiên, do không nhất trí với giá bồi thường ông đã yêu cầu UBND thành phố T cung cấp các văn bản pháp quy liên quan đến việc thu hồi đất để xây dựng khu dân cư Đ để làm rõ việc xác định vị trí, loại đường ở khu vực và giá đất cụ thể để làm căn cứ tính bồi thường cho gia đình ông và các hộ dân. Đến ngày 18/5/2023 ông mới nhận được các Quyết định sau:

- Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Đ thuộc phường H và phường Y, thị xã T của Chủ tịch UBND thị xã T (Nay là thành phố T).

- Quyết định số 534/QĐ-UBND thành phố T về việc thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư Đ (giai đoạn 1) kèm theo bản đồ thu hồi đất ngày 21/11/2014.

- Quyết định số 584/QĐ-UBND thành phố T về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) ngày 31/12/2020.

Sau khi nhận được các quyết định trên ông phát hiện ra UBND thành phố T đã vẽ giả hồ sơ con đường bê tông đi vào tổ 13 (nay là tổ 9) phường Y đã thu hồi năm 2014 theo Quyết định số 534 năm 2014. Đồng thời phát hiện con đường 4.30 quy hoạch khu dân cư chạy qua đất khu dân cư và đất nhà ông bị thu hồi dẫn đến việc tính sai vị trí, loại đất, giá đất của gia đình ông. Căn cứ vào Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thì đất nhà ông thuộc vị trí 1, đường loại 4, giá đất là 4.800.000đồng/m² nhưng ông chỉ được bồi thường theo đường bê tông đã bị thu hồi năm 2014, vị trí 2, đường loại 4, giá đất là 2.000.000đồng/m². Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2); Hủy một phần Quyết định số 584/QĐ-UBND thành phố Tuyên Quang về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) ngày 31/12/2020.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Người bị kiện - Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Về diện tích đất bị thu hồi hộ gia đình ông Phùng Văn T là 117m² đất tại đô thị. Nguồn gốc sử dụng đất đã được cấp GNNQSDĐ số H04451/YL do UBND thị xã T cấp ngày 18/10/2007, Thửa đất số 126, tờ bản đồ 60 có diện tích 400m² đất ở và 29,3m² đất trồng cây lâu năm (đã được chỉnh lý nội dung: Chuyển nhượng cho bà Phùng Thanh N 80,7m² đất ở tại đô thị; chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Đ 82,7m² đất ở tại đô thị; tặng cho ông Phùng Quang H 79m² đất ở tại đô thị. Diện tích còn lại là 158m² đất ở và 29,3m² đất trồng cây lâu năm). Tài sản trên đất: Nhà và các tài sản khác theo biên bản kiểm kê có xác nhận của gia đình.

Kết quả kiểm tra Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2) như sau:

Diện tích đất thu hồi 117m² đất ở tại đô thị (Quyết định số 584). Kinh phí bồi thường hỗ trợ đất và tài sản trên đất: 436.885.471đồng (Quyết định số 583). Gia đình ông T đã nhận kinh phí bồi thường 436.885.471đồng.

Giao đất tái định cư: Giao 01 lô đất cho ông Phùng Trung H và vợ là Hoàng Thị T (Có thu tiền sử dụng đất theo quy định khoản 4, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) UBND thành phố đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 002117 ngày 08/10/2021.

Việc xác định vị trí đất và giá đất bồi thường được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định 669/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và một số công trình trên địa bàn thành phố T. Cụ thể tại mục 2. Điều 1, Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 28/12/2020:

“2. Công trình khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)

- Đất ở tại đô thị đường loại IV, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 2.000.000đồng/m²; hệ số điều chỉnh bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh”.

Về loại đường, vị trí bồi thường hộ gia đình ông T đã được xác định vị trí đường loại IV, vị trí 2 theo đúng quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể đất liền cạnh đường bê tông nhà ông T đến nhà ông N tại Biểu số 01C/ODT-TP, mục 4.26 xác định loại đường IV, vị trí 2.

Việc ban hành quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 về việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo khoản 7 Điều 170 Luật đất đai năm 2013:

Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: “*Giao lại đất khi nhà nước có quyết định thu hồi đất...*” UBND thành phố T đã căn cứ vào điều luật trên cưỡng chế thu hồi đất. Điểm a, khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013:

“Điều 71. Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất

1. Nguyên tắc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật này.

2. Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục;”

Ông T đã nhận đủ tiền bồi thường, nhận lô đất được giao theo quy định nhưng không giải phóng mặt bằng mặc dù đã được vận động và thuyết phục. UBND thành phố đã ban hành quyết định 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phùng Văn T theo đúng quy định. Ngày 19/4/2023 sau buổi đối thoại của UBND thành phố và ông T hộ gia đình ông T đã nhất trí bàn giao cho nhà nước thi công xây dựng công trình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Đại diện Ủy ban nhân dân phường Y ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Về diện T đất bị thu hồi hộ gia đình ông Phùng Văn T là 117m² đất tại đô thị. Nguồn gốc sử dụng đất đã được cấp GNNQSDĐ số H04451/YL do UBND thị xã T cấp ngày 18/10/2007, Thửa đất số 126, tờ bản đồ 60 có diện T 400m² đất ở và 29,3m² đất trồng cây lâu năm (đã được chỉnh lý nội dung: Chuyển nhượng cho bà Phùng Thanh N 80,7m² đất ở tại đô thị; chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Đ 82,7m² đất ở tại đô thị; tặng cho ông Phùng Quang H 79m² đất ở tại đô thị. Diện tích còn lại là 158m² đất ở và 29,3m² đất trồng cây lâu năm). Tài sản trên đất: Nhà và các tài sản khác theo biên bản kiểm kê có xác nhận của gia đình.

Về việc thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phùng Văn T:

UBND phường Y đã phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của UBND thành phố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 31/12/2020 UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 583/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2); Quyết định số 584/QĐ-UBND thành phố T về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) ngày 31/12/2020. Cụ thể:

Diện tích đất thu hồi 117m² đất ở tại đô thị (Quyết định số 584). Kinh phí bồi thường hỗ trợ đất và tài sản trên đất: 436.885.471 đồng (Quyết định số 583). Gia đình ông T đã nhận kinh phí bồi thường 436.885.471 đồng.

Giao đất tái định cư: Giao 01 lô đất cho ông Phùng Trung H và vợ là Hoàng Thị T (Có thu tiền sử dụng đất theo quy định khoản 4, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ) UBND thành phố đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 002117 ngày 08/10/2021.

Hộ gia đình ông T đã nhận đủ số tiền bồi thường nhưng không nhất trí giải phóng mặt bằng, giao đất để thực hiện công trình. UBND phường Y, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phường Y, tổ dân phố 9 đã tổ chức vận động thuyết phục nhưng ông T không chấp hành. Vì vậy UBND thành phố đã ban hành quyết định 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phùng Văn T theo đúng quy định.

Ngày 19/4/2023 sau buổi đối thoại của UBND thành phố và ông T, hộ gia đình ông T đã nhất trí bàn giao cho nhà nước thi công xây dựng công trình.

3.2. Bà Bùi Bích L (Vợ ông Phùng Văn T) trình bày:

Bà là chủ hộ khẩu gia đình. Nhân khẩu trong gia đình bà gồm có bà, ông Phùng Văn T và con trai là Phùng Trung H.

Hộ gia đình bà cùng sử dụng thửa đất có thông tin như sau: Số sổ AK 840688 vào sổ CGCN QSDĐ H04451/YL mang tên hộ gia đình bà Bùi Bích L, sinh năm 1959 và ông Phùng Văn T sinh năm 1953. Thửa đất số 126, tờ bản đồ 60 có địa chỉ: Xóm 40, xã Y, thị xã T nay là Tổ 9 phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích 429,3m². Tài sản gắn liền với đất có nhà cấp 3. Quá trình sử dụng đất đã được chỉnh lý nội dung: Chuyển nhượng cho bà Phùng Thanh N 80,7m² đất ở tại đô thị; chuyển nhượng cho ông Đào Ngọc Đ 82,7m² đất ở tại đô thị; tặng cho ông Phùng Quang H 79m² đất ở tại đô thị. Diện tích còn lại là 158m² đất ở và 29,3m² đất trồng cây lâu năm.

Gia đình bà L bị thu hồi 117m² đất ở tại đô thị. Diện tích đất còn lại 41m² đất ở. Bà nhất trí đồng thuận với ông T là chồng bà khởi kiện Chủ tịch UBND thành

phố T và UBND thành phố T về các Quyết định liên quan đến việc thu hồi và bồi thường 117m² đất ở của gia đình tôi.

3.3. Ông Phùng Trung H (Con ông Phùng Văn T) trình bày:

Ông có hộ khẩu chung với gia đình mang tên mẹ ông là bà Bùi Bích L. Ông có ý kiến không liên quan đến việc khởi kiện của bố ông là ông Phùng Văn T nên không liên quan đến nội dung khởi kiện. Ông không liên quan đến việc thu hồi phần đất của bố mẹ ông, đề nghị Tòa án không triệu tập và cho ông được vắng mặt trong các buổi làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; Điều 194 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; **các Điều 61, 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79 Luật Đất đai năm 2013**; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T về việc khiếu kiện hủy một phần Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2); hủy một phần Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2).

- Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T về việc khiếu kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Về án phí: Ông Phùng Văn T là người trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phùng Văn T đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu hủy một phần Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2). Hủy một phần Quyết định số 584/QĐ-UBND thành phố T về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) ngày 31/12/2020. Hủy toàn bộ Quyết định số 743/QĐ-UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất. Như vậy, yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và do UBND thành phố T thực hiện nên việc khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

- Đối với Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) và Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) đã nêu rõ về diện tích thu hồi đối với hộ gia đình ông Phùng Văn T là 117m² đất ở đô thị. Kinh phí bồi thường hỗ trợ đất và tài sản trên đất: 436.885.471 đồng (Quyết định số 583). Gia đình ông T đã nhận kinh phí bồi thường 436.885.471 đồng.

Việc gia đình ông T biết được các quyết định nêu trên được thể hiện tại Thông báo giải phóng mặt bằng giao đất cho nhà nước xây dựng công trình số 113/TB-UBND ngày 17/6/2021 đã căn cứ vào các QĐ số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; QĐ số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố T...cũng như theo cam kết tại biên bản nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 29/01/2021 của hộ gia đình ông Phùng Văn T là hoàn toàn đã biết được quyết định hành chính trên. Đến ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên

Quang nhận được đơn khởi kiện của ông Phùng Văn T. Theo quy định của Luật Tổ tụng hành quy định về thời hiệu khởi kiện là “ 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính...”.

Như vậy, thời hiệu khởi kiện của người khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Đối với Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc cưỡng chế thu hồi đất mà ông T yêu cầu hủy toàn bộ quyết định trên là trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

1. *Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Quyết định số 743/QĐ-UBND*: HĐXX thấy rằng căn cứ Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân đã ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phùng Văn T là đúng quy định của pháp luật về hình thức, nội dung.

2. *Tính hợp pháp về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBND*: Sau nhiều lần tổ chức chi trả kinh phí, hộ gia đình ông Phùng Văn T đã nhận đủ số tiền là 436.885.471 đồng nhưng do không đồng ý với mức giá bồi thường nên ông T không bàn giao diện T đất đã có quyết định thu hồi. Ủy ban nhân dân thành phố T đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã nhiều lần tổ chức vận động, thuyết phục, nhưng hộ ông Phùng Văn T không chấp hành việc bàn giao diện T đất đã có Quyết định thu hồi; Ngày 11/4/2023, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phùng Văn T, tổ 9, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 745/QĐ-UBND về việc thành lập ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phùng Văn T, tổ 9, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Ủy ban nhân dân thành phố đã tổng đạt và thông báo quyết định cưỡng chế cho hộ gia đình ông T. Ngày 19/4/2023 UBND thành phố T đã tổ chức đối thoại về việc vận động, thuyết phục đối với hộ gia đình ông Phùng Văn T. Tại buổi đối thoại ông Phùng Văn T đã nhất trí bàn giao diện tích đất thu hồi cho Nhà nước thi công xây dựng công trình trong sáng ngày 20/4/2023.

HĐXX xét thấy sau khi Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBND đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

3. *Tính hợp pháp và có căn cứ của các văn bản hành chính có liên quan*:

HĐXX xét thấy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2) đã đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Quyết định 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Về yêu cầu hủy quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất : HĐXX xét thấy Chủ tịch UBND thành phố T căn cứ vào các quy định của pháp luật và đề nghị của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố tại Tờ trình số 76/TTr - TNMT ngày 11/4/2023 Lý do cưỡng chế: Người có đất thu hồi không chấp hành Quyết định thu hồi đất số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBNDTP T sau khi UBND phường Y, Ủy ban mặt trận tổ quốc phường Y và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã vận động thuyết phục. đã ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phùng Văn T. Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi ngày 21/4/2023 trong giờ hành chính.

Thu hồi đất là trường hợp Nhà nước ra quyết định thu lại quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất đang thuộc quyền sử dụng đất của người khác nếu người này có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong quá trình sử dụng đất. Khoản 11 Điều 3 Luật Đất đai 2013, quy định... *Nhà nước thu hồi đất là việc Nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được Nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai.*

Theo đó, Việc ban hành quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 về việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo khoản 7 Điều 170 Luật đất đai năm 2013: Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất: “*Giao lại đất khi nhà nước có quyết định thu hồi đất...*” UBND thành phố đã căn cứ vào điều luật trên cưỡng chế thu hồi đất là hoàn toàn đúng quy trình, đúng pháp luật.

Điểm a, khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013 quy định: Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất

1. Nguyên tắc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật này.

2. Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục.

Như vậy, ông T đã nhận đủ tiền bồi thường, nhận lô đất được giao theo quy định nhưng không giải phóng mặt bằng mặc dù đã được vận động và thuyết phục. Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Phùng Văn T là theo đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc. Mặt khác ngày 19/4/2023 sau buổi đối thoại với UBND thành phố và ông T hộ gia đình ông T đã nhất trí bàn giao cho nhà nước thi công xây dựng công trình.

Do vậy yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Phùng Văn T không có căn cứ chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Phùng Văn T thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 191; Điều 194 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 61, 62, 63, 66, 67, 69, 74, 75, 79 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2);

- Hủy một phần Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư Đ tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường Y, thành phố T (giai đoạn 2).

2. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn T về việc khiếu kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

* Về án phí: Ông Phùng Văn T thuộc diện miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ma Hồng Thắng